# Đánh Giá Hành Vi Chức Năng (FBA)

(Quy Tắc USBE I.E.21.)

Khu Học Chánh/Trường Học: Ngày đánh giá:

Họ tên Học Sinh: Ngày sinh: Cấp lớp:

## Thế Mạnh, Sở Thích và Ưu Tiên Động Lực của Học Sinh

Thế Mạnh:

Sở Thích:

Ưu Tiên Động Lực:

## Các Hành Vi Có Vấn Đề được đánh giá trong FBA này

| **Ưu Tiên** | **Hành Vi Có Vấn Đề** | **Định Nghĩa Hoạt Động** | **Dữ Liệu Ban Đầu** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

## Nguồn Dữ Liệu Ban Đầu

Cần có ít nhất một thước đo ban đầu (Quy Tắc USBE I.E.21.b.)

| **Hành Vi Có Vấn Đề Được Đo Lường** | **Loại Đo Lường (ví dụ: tần suất, thời lượng, độ trễ, khoảng thời gian, thang đánh giá)** | **Ngày hoàn thành** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

## Nguồn Dữ Liệu Quan Sát

Cần có ít nhất một biện pháp quan sát trực tiếp (Quy Tắc USBE I.E.21.b.) Chọn phương pháp quan sát là trực tiếp hay gián tiếp.

| **Hành Vi Có Vấn Đề Được Đo Lường** | **Phương Pháp Quan Sát** | **Ngày hoàn thành** |
| --- | --- | --- |
|  | **Phương Pháp Trực Tiếp**[ ] ABC [ ] Biểu đồ phân tán ***HOẶC*****Phương Pháp Gián Tiếp**[ ] Danh sách kiểm tra [ ] Phỏng vấn[ ] Xem xét hồ sơ [ ] Khác: |  |
|  | **Phương Pháp Trực Tiếp**[ ] ABC [ ] Biểu đồ phân tán ***HOẶC*****Phương Pháp Gián Tiếp**[ ] Danh sách kiểm tra [ ] Phỏng vấn[ ] Xem xét hồ sơ [ ] Khác: |  |
|  | **Phương Pháp Trực Tiếp**[ ] ABC [ ] Biểu đồ phân tán ***HOẶC*****Phương Pháp Gián Tiếp**[ ] Danh sách kiểm tra [ ] Phỏng vấn[ ] Xem xét hồ sơ [ ] Khác: |  |
|  | **Phương Pháp Trực Tiếp**[ ] ABC [ ] Biểu đồ phân tán ***HOẶC*****Phương Pháp Gián Tiếp**[ ] Danh sách kiểm tra [ ] Phỏng vấn[ ] Xem xét hồ sơ [ ] Khác: |  |

## Tóm Tắt Kết Quả

### Trước đây

| **Khi {EVENT} xảy ra. . .** | **. . . học sinh có thể tham gia hành vi {PROBLEM BEHAVIOR}.** | **Nguồn Dữ Liệu** |
| --- | --- | --- |
| {EVENT} | {PROBLEM BEHAVIOR} |  |
| {EVENT} | {PROBLEM BEHAVIOR} |  |
| {EVENT} | {PROBLEM BEHAVIOR} |  |

### Hệ Quả

| **Khi học sinh tham gia hành vi {PROBLEM BEHAVIOR} . . .** | **. . . {CONSEQUENCE} sau đây có thể xảy ra.** | **Nguồn Dữ Liệu** |
| --- | --- | --- |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | {CONSEQUENCE} |  |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | {CONSEQUENCE} |  |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | {CONSEQUENCE} |  |

### Biện Pháp Can Thiệp Trước Đó

| **Hành Vi Có Vấn Đề** | **Biện Pháp Can Thiệp** | **Mô Tả** | **Ngày Bắt Đầu/kết Thúc** | **Dữ Liệu Thu Thập** | **Hiệu Quả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | Không hiệu quảMột phầnCó hiệu quả |
|  |  |  |  |  | Không hiệu quảMột phầnCó hiệu quả |
|  |  |  |  |  | Không hiệu quảMột phầnCó hiệu quả |

### Chức năng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khi học sinh tham gia hành vi {PROBLEM BEHAVIOR} . . .** | **. . . chức năng của các hành vi này có khả năng:** | **Chi Tiết Bổ Sung** |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | [ ] Gây chú ý[ ] Trốn tránh[ ] Có thật[ ] Cảm nhận được/tự động |  |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | [ ] Gây chú ý[ ] Trốn tránh[ ] Có thật[ ] Cảm nhận được/tự động |  |
| {PROBLEM BEHAVIOR} | [ ] Gây chú ý[ ] Trốn tránh[ ] Có thật[ ] Cảm nhận được/tự động |  |

### Tuyên Bố Giả Thuyết

*Ví dụ về định dạng: Khi {ANTECEDENT} xảy ra, học sinh có thể tham gia hành vi {PROBLEM BEHAVIOR} để được {reinforcing CONSEQUENCE(S) and FUNCTION}.*

### Hành Vi Thay Thế

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Để thỏa mãn chức năng {FUNCTION} . . .** | **. . . thay vì tham gia hành vi {PROBLEM BEHAVIOR} . . .** | **. . . học sinh có thể tham gia hành vi:** |
| {FUNCTION} | {PROBLEM BEHAVIOR} | {REPLACEMENT BEHAVIOR} |
| {FUNCTION} | {PROBLEM BEHAVIOR} | {REPLACEMENT BEHAVIOR} |
| {FUNCTION} | {PROBLEM BEHAVIOR} | {REPLACEMENT BEHAVIOR} |

Người điền biểu mẫu: